TRƯỜNG TC Y DƯỢC VẠN HẠNH
2A2, QL1A, Phường Thạnh Xuân, Quận 12, TP.HCM
SĐT: 02862.76.499

KẾT QUẢ MÔN CHÍNH TRỊ KHÓA HỌC 2023-2025

STT	MSSV	HỌ	TÊN	NGÀY SINH	HỌC KỲ 1					GHI CHÚ
					KIỂM TRA		TBKT	THI	TB MÔN	
					HỆ SỐ 1	HỆ SỐ 2		L1	L1	
1	230420006	Hồ Thành	Đạt	10/06/2008	6,0	6,5	6,3	5,5	5,8	
2	230420008	Nguyễn Thị Ngọc	Duyên	14/01/2008	7,5	9,0	8,5	8,0	8,2	
3	230420004	Nguyễn Kiều Thu	Loan	10/03/2008	7,0	9,0	8,3	7,5	7,8	
4	230420012	Đặng Như	Tâm	03/05/2008	6,0	6,0	6,0	0,0	2,4	
5	230420011	Giang Thụy Cẩm	Tiên	26/09/2008	5,5	6,0	5,8	5,5	5,6	
6	230420009	Thạch Thị Bảo	Trân	14/06/2008	6,0	5,0	5,3	5,0	5,1	
7	230420014	Phan Thị Thanh	Tuyền	14/12/2005	8,0	8,5	8,3	7,5	7,8	
8	230420001	Lý Võ Khánh	Uyên	17/06/2006	9,0	7,5	8,0	6,5	7,1	
9	230430002	Đặng Thụy Kim	Ngọc	08/05/1994	10,0	9,0	9,3	9,0	9,1	
10	230430004	Nguyễn Thị Thanh	Hương	23/02/2008	6,0	7,0	6,7	5,5	6,0	
11	230430006	Nguyễn Thị Xuân	Mai	11/05/2008	7,0	6,0	6,3	4,5	5,2	
12	22DS024A	Nguyễn Phùng Đức	Mạnh	08/04/2004	9,5	8,0	8,5	5,5	6,7	
13	22DS025A	Phạm Thị Hồng	Thao	06/08/1988	8,5	6,5	7,2	7,0	7,1	
14	22DS026A	Trần Thị Tú	Quyên	27/03/2002	9,0	7,0	7,7	8,5	8,2	
15	22CT017A	Nguyễn Thụy Ngọc	Trúc	05/05/1995	9,5	9,0	9,2	9,5	9,4	
16	22CT021A	Trương Phúc	Hậu	8/4/2004	10,0	8,0	8,7	7,5	8,0	
17	230440005	Nguyễn Bùi Hoàng	Phúc	14/12/2008	9,5	9,0	9,2	6,5	7,6	
18	230410002	Trần Thị Mai	Lan	08/01/2007	6,0	0,0	2,0	0,0	0,8	
19	230410011	Hà Minh	Triết	24/11/2008	7,0	8,0	7,7	0,0	3,1	
20	230440012	Phạm Thái	Thịnh	01/07/2000	9,0	9,0	9,0	9,5	9,3	
21	240440001	Thái Quốc	Thành	29/10/1981	5,5	8,0	7,2	8,0	7,7	
22	240420001	An Thanh	Nam	07/06/2001	6,0	6,5	6,3	0,0	2,5	
23	240430001	Khuất Võ Phước	Toàn	29/12/1994	8,0	8,0	8,0	6,5	7,1	

TRƯỜNG TC Y DƯỢC VẠN HẠNH
2A2, QL1A, Phường Thạnh Xuân, Quận 12, TP.HCM
SĐT: 02862.76.499

KẾT QUẢ MÔN CHÍNH TRỊ KHÓA HỌC 2023-2025

STT	MSSV	HỌ	TÊN	NGÀY SINH	HỌC KỲ 1					GHI CHÚ
					KIỂM TRA		TBKT	THI	TB MÔN	
					HỆ SỐ 1	HỆ SỐ 2		L1	L1	
1	230420006	Hồ Thành	Đạt	10/06/2008	7,5	7,5	7,5	5,0	6,0	
2	230420008	Nguyễn Thị Ngọc	Duyên	14/01/2008	7,5	7,5	7,5	5,5	6,3	
3	230420004	Nguyễn Kiều Thu	Loan	10/03/2008	7,5	7,5	7,5	7,5	7,5	
4	230420012	Đặng Như	Tâm	03/05/2008	7,0	7,5	7,3	0,0	2,9	
5	230420013	Lại Thị Thanh	Thảo	08/11/2005	7,0	7,5	7,3	0,0	2,9	
6	230420011	Giang Thụy Cẩm	Tiên	26/09/2008	7,5	7,0	7,2	5,8	6,3	
7	230420009	Thạch Thị Bảo	Trân	14/06/2008	7,5	7,0	7,2	5,3	6,0	
8	230420014	Phan Thị Thanh	Tuyền	14/12/2005	8,5	8,5	8,5	8,3	8,4	
9	230420001	Lý Võ Khánh	Uyên	17/06/2006	7,0	7,5	7,3	7,0	7,1	
10	230430002	Đặng Thụy Kim	Ngọc	08/05/1994	7,0	8,0	7,7	8,8	8,3	
11	230430003	Đặng Vũ Ngọc Minh	Châu	02/06/2008	7,0	7,5	7,3	5,3	6,1	
12	230430004	Nguyễn Thị Thanh	Hương	23/02/2008	7,5	8,0	7,8	5,2	6,3	
13	230430006	Nguyễn Thị Xuân	Mai	11/05/2008	7,5	7,5	7,5	6,7	7,0	
14	230410002	Trần Thị Mai	Lan	08/01/2007	7,0	8,0	7,7	5,0	6,1	
15	240100012	Phạm Thái	Thịnh	07/01/2000	7,5	8,0	7,8	7,3	7,5	
16	230440005	Nguyễn Bùi Hoàng	Phúc	14/12/2008	7,5	8,0	7,8	6,7	7,2	
17	21DS018A	Huỳnh Kiến	Hào	25/06/2003	7,0	8,0	7,7	5,5	6,4	
18	22DS024A	Nguyễn Phùng Đức	Mạnh	08/04/2004	7,0	7,5	7,3	6,2	6,7	
19	22DS026A	Trần Thị Tú	Quyên	27/03/2002	7,5	7,5	7,5	7,5	7,5	
20	22DD006A	Võ Nguyễn Ngân	Hà	25/02/2006	7,0	8,0	7,7	0,0	3,1	
21	22YS007A	Nguyễn Quỳnh Yến	Linh	05/03/2007	7,5	7,5	7,5	0,0	3,0	
22	240440001	Thái Quốc	Thành	29/10/1981	8,5	9,0	8,8	7,2	7,9	
23	240430001	Khuất Võ Phước	Toàn	29/12/1994	8,0	8,5	8,3	7,2	7,7	
24	240420001	An Thanh	Nam	06/07/2001	7,0	7,5	7,3	0,0	2,9	

TRƯỜNG TC Y DƯỢC VẠN HẠNH
2A2, QL1A, Phường Thạnh Xuân, Quận 12, TP.HCM
SĐT: 02862.76.499

KẾT QUẢ MÔN CHÍNH TRỊ KHÓA HỌC 2023-2025

STT	MSSV	HỌ	TÊN	NGÀY SINH	HỌC KỲ 1					GHI CHÚ
					KIỂM TRA		TBKT	THI	TB MÔN	
					HỆ SỐ 1	HỆ SỐ 2		L1	L1	
1	230420006	Hồ Thành	Đạt	10/06/2008	6,0	6,0	6,0	6,0	6,0	
2	230420008	Nguyễn Thị Ngọc	Duyên	14/01/2008	7,0	9,0	8,3	9,0	8,7	
3	230420004	Nguyễn Kiều Thu	Loan	10/03/2008	8,0	8,0	8,0	9,0	8,6	
4	230420013	Lại Thị Thanh	Thảo	08/11/2005	4,0	7,0	6,0	10,0	8,4	
5	230420011	Giang Thụy Cẩm	Tiên	26/09/2008	5,0	5,0	5,0	9,0	7,4	
6	230420009	Thạch Thị Bảo	Trân	14/06/2008	10,0	8,0	8,7	10,0	9,5	
7	230420014	Phan Thị Thanh	Tuyền	14/12/2005	10,0	10,0	10,0	10,0	10,0	
8	230430002	Đặng Thụy Kim	Ngọc	08/05/1994	10,0	10,0	10,0	10,0	10,0	
9	230430004	Nguyễn Thị Thanh	Hương	23/02/2008	8,0	7,0	7,3	9,0	8,3	
10	230440008	Trương Thị Hồng	Cẩm	30/03/1989	10,0	8,0	8,7	10,0	9,5	
11	230440001	Nguyễn Thị	Hường	23/03/1984	9,0	9,0	9,0	9,0	9,0	
12	230440005	Nguyễn Bùi Hoàng	Phúc	14/12/2008	10,0	8,0	8,7	10,0	9,5	
13	230410007	Nguyễn Thị Phương	Dung	21/04/1983	10,0	8,0	8,7	10,0	9,5	
14	230410002	Trần Thị Mai	Lan	08/01/2007	5,0	5,0	5,0	5,0	5,0	
15	230410014	Nguyễn Thị	Tê Sa	30/05/1986	10,0	8,0	8,7	10,0	9,5	
16	230410011	Hà Minh	Triết	24/11/2008	10,0	10,0	10,0	10,0	10,0	
17	21DS030A	Phạm Anh	Quân	19/05/2003	9,0	9,0	9,0	10,0	9,6	
18	21DS018A	Huỳnh Kiến	Hào	25/06/2003	10,0	9,0	9,3	10,0	9,7	
19	22DS024A	Nguyễn Phùng Đức	Mạnh	08/04/2004	10,0	8,0	8,7	10,0	9,5	
20	240430001	Khuất Võ Phước	Toàn	29/12/1994	9,0	8,0	8,3	8,0	8,1	
21	21DD019A	Hồ Minh	Hiếu	11/01/2006	7,0	9,0	8,3	8,0	8,1	
22	22CT009A	Huỳnh Mai Thảo	Lâm	06/11/2007	10,0	10,0	10,0	10,0	10,0	
23	21CT061A	Trần Trọng	Tín	09/5/2003	10,0	8,0	8,7	10,0	9,5	
24	240440001	Thái Quốc	Thành	21/10/1981	10,0	8,0	8,7	10,0	9,5	
25	21YS023A	Trần Duy	Hiếu	13/06/1983	10,0	10,0	10,0	10,0	10,0	
26	240420001	An Thanh	Nam	06/07/2001	10,0	8,0	8,7	9,0	8,9	